

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 97/2023/HNGĐ-ST

Ngày 23 - 6 - 2023

*“V/v: Không công nhận quan
hệ vợ chồng, tranh chấp về
nuôi con”.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hữu Long.

2. Bà Nguyễn Thị Loan.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk không tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023, tại Hội trường xét xử trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 439/2023/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 5 năm 2023, về việc: “*Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2023/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị H, sinh năm 1983; (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Buôn K, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- **Bị đơn:** Ông Phan Đình Đ, sinh năm 1973; (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 153/57 P, phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án, bà Lê Thị H trình bày có nội dung như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Phan Đình Đ có quen biết và có quan hệ vợ chồng với nhau dẫn đến có con. Chúng tôi có chung sống mà không đăng ký kết hôn. Do không có tình cảm với nhau nên chúng tôi không có chung sống với nhau.

Tôi có nguyện vọng đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận tôi và ông Phan Đình Đ là vợ chồng.

- Về con chung: Tôi và ông Phan Đình Đ có 01 con chung là Phan Đình A, sinh ngày 22/3/2009.

Hiện nay cháu Phan Đình A đang ở với tôi.

Nguyên vọng của tôi về con chung là xin được nuôi cháu Phan Đình A cho đến khi cháu Phan Đình A đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Phan Đình Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Lê Thị H có quen biết với Bà H vào năm 2008 và có chung sống với nhau. Giữa tôi và Bà H không có đăng ký kết hôn. Nay Bà H làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận tôi và Bà H là vợ chồng thì tôi nhất trí và không có ý kiến gì.

- Về con chung: Tôi và ông Phan Đình Đ có 01 con chung là Phan Đình A, sinh ngày 22/3/2009.

Hiện nay cháu Phan Đình A đang ở với bà Lê Thị H.

Nguyên vọng của tôi về con chung là đồng ý giao cháu Phan Đình A cho bà Lê Thị H nuôi dưỡng cho đến khi cháu Phan Đình A đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bà Lê Thị H, ông Phan Đình Đ chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn ông Phan Đình Đ hiện đang sinh sống tại địa chỉ: Số 153/57 P, phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông Đ chung sống với nhau từ năm 2008 nhưng trong thời gian ông bà chung sống thì không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Đây là quan hệ hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận. Nay bà Lê Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu không công nhận bà Lê Thị H và ông Phan Đình Đ là vợ chồng là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung:

Về con chung: Bà H và ông Đ có một con chung là Phan Đình A, sinh ngày 22/3/2009. Hiện nay cháu Phan Đình A đang ở với bà Lê Thị H và cháu cũng có nguyên vọng được ở với bà Lê Thị H.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung như sau:

- Về con chung:

Giao cháu Phan Đình A, sinh ngày 22/3/2009 cho bà Lê Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu Phan Đình A đủ 18 tuổi.

Ông Phan Đình Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

Xét việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện và không bị ai ép buộc nên cần chấp nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 220, khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Lê Thị H và ông Phan Đình Đ là vợ chồng.

- Về con chung:

Giao cháu Phan Đình A, sinh ngày 22/3/2009 cho bà Lê Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu Phan Đình A đủ 18 tuổi.

Ông Phan Đình Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

- Về án phí: Bà Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2022/0001992 ngày 16/5/2023.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *TA tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND TP. BMT;*
- *CCTHADS TP. BMT;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: HS + VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Loan